

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGŨ HÙNG**

Số: 25/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngũ Hùng, ngày 28 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023 trình
HĐND xã**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số: 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
Luật sửa đổi bổ sung 1 số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền
địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng
dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Thanh
Miện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà
nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã Ngũ Hùng thông báo về việc niêm yết công khai số liệu dự toán
ngân sách xã năm 2023 trình HĐND xã gồm:

- Cân đối ngân sách xã năm 2023 (Theo biểu số 103/CK TC-NSNN)
- Dự toán thu ngân sách xã năm 2023 (Theo biểu số 104/CK TC-NSNN)
- Dự toán chi thường xuyên sách xã năm 2023 (Theo biểu số 105/CK TC-NSNN)
- Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2023 (Theo biểu số 106/CK TC-NSNN)

*** Hình thức và thời gian công khai:**

Niem yết công khai tại Trụ sở làm việc UBND xã Ngũ Hùng ít nhất trong thời hạn
30 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã

Thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội, trưởng các
thôn.

Trên đây là nội dung niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách xã trình HĐND
xã năm 2023.

Trong thời gian niêm yết công khai nếu đại biểu, cử tri và nhân dân trên địa bàn có ý
kiến thắc mắc, đề nghị phản ánh về UBND xã để kịp thời có phương án giải quyết.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND - UBND xã;
- Trưởng các ngành, đoàn thể;
- Trưởng các thôn;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Lùng



UBND XÃ NGŨ HÙNG

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2023
TỔNG SỐ THU	7.388.277.000	TỔNG SỐ CHI	7.388.277.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	252.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	2.250.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.503.000.000	II. Chi thường xuyên	4.999.978.000
III. Thu bổ sung	4.633.277.000	III. Dự phòng	138.299.000
- Bổ sung cân đối	4.633.277.000		
- Bổ sung có mục tiêu	0		
IV/ Thu chuyển nguồn ngân sách			

UBND XÃ NGŨ HÙNG

Biểu số 104/CK TC-NSNN



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh %
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2022	17.000.005.382	7.388.277.000	43,46
I	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG 100%	1.572.529.151	252.000.000	16,03
1	Phí và lệ phí	42.067.000	40.000.000	95,09
2	Thu từ quỹ đất CI & HLCS	1.362.803.000	175.000.000	12,84
3	Thu từ hoạt động KT và SN			
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	9.975.000	7.000.000	70,18
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-		#DIV/0!
6	Thu khác	157.684.151	30.000.000	19,03
II	CÁC KHOẢN THU HƯỞNG THEO TỶ LỆ %	5.467.573.200	2.503.000.000	45,78
1	Các khoản thu phân chia	323.788.962	181.000.000	55,90
1.1	Thuế đất phi nông nghiệp (100%)	68.212.958	44.000.000	64,50
1.2	Lệ phí môn bài từ cá nhân hộ kinh doanh (100%)	11.600.000	11.000.000	94,83
1.3	Thuế thu nhập cá nhân (xã 80%; TT 50%)	26.412.944	36.000.000	136,30
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất (100%)	217.563.060	90.000.000	41,37
2	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	5.143.784.238	2.322.000.000	45,14
2.1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	5.090.950.428	2.250.000.000	44,20
2.2	Thuế GTGT, TNDN	52.833.810	72.000.000	136,28
III	THU CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH	654.515.129		
IV	THU KẾT DỰ NGÂN SÁCH NĂM TRƯỚC	6.682.402		
V	THU BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN	9.298.705.500	4.633.277.000	49,83
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.770.128.000	4.494.978.000	162,27
2	Thu bổ sung có mục tiêu	6.411.158.500		
3	Dự phòng ngân sách	117.419.000	138.299.000	117,78



DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	8.347.188.000	3.000.000.000	5.347.188.000	7.388.277.000	2.250.000.000	5.138.277.000	88,51	75,00	96,09
1	Chi DQ tự vệ, trật tự an toàn XH	420.138.400		420.138.400	524.306.400		524.306.400	124,79		124,79
	<i>Trong đó : Chi Quốc phòng</i>	293.738.400		293.738.400	329.656.400		329.656.400	112,23		112,23
	<i>Chi an ninh</i>	126.400.000		126.400.000	194.650.000		194.650.000	154,00		154,00
2	Chi sự nghiệp giáo dục	5.880.000		5.880.000	2.880.000		2.880.000	48,98		48,98
3	Chi sự nghiệp y tế	21.940.800		21.940.800	21.907.000		21.907.000	99,85		99,85
4	Chi sự nghiệp văn hóa, Đài TT	64.456.000	0	64.456.000	67.495.600	0	67.495.600	104,72		104,72
	<i>Chi sự nghiệp văn hóa</i>	30.000.000		30.000.000	30.000.000		30.000.000	100,00		100,00
	<i>Chi sự nghiệp Đài TT</i>	34.456.000		34.456.000	37.495.600		37.495.600	108,82		108,82
5	Chi sự nghiệp TDTT	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
6	Chi sự nghiệp kinh tế	89.989.000	0	89.989.000	89.942.000	0	89.942.000	99,95		99,95
	<i>Trong đó : Chi sự nghiệp giao thông</i>	28.704.000		28.704.000	28.704.000		28.704.000	100,00		100,00
	<i>Chi SN thú y, nông, lâm, TL</i>	61.285.000		61.285.000	61.238.000		61.238.000	99,92		99,92
7	Chi sự nghiệp Môi trường	35.653.800		35.653.800	35.599.000		35.599.000	99,85		99,85
8	Chi sự nghiệp xã hội	412.309.200	0	412.309.200	547.913.200	0	547.913.200	132,89		132,89
	<i>Lương hưu và trợ cấp BHXH</i>	355.309.200		355.309.200	390.913.200		390.913.200	110,02		110,02

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	Chính sách & hoạt động phục vụ các DT BTXH và các đối tượng khác	57.000.000		57.000.000	157.000.000		157.000.000	275,44		275,44
9	Chi QL Nhà nước, Đảng & các Đoàn thể	7.084.773.800	3.000.000.000	4.084.773.800	5.864.306.800	2.250.000.000	3.614.306.800	82,77	75,00	88,48
	Chi hoạt động QLNN	5.464.321.800	3.000.000.000	2.464.321.800	4.363.845.700	2.250.000.000	2.113.845.700	79,86	75,00	85,78
	Chi hoạt động Đảng CSVN	784.239.600		784.239.600	731.383.700		731.383.700	93,26		93,26
	Chi hoạt động MTTQ	286.371.000		286.371.000	275.966.000		275.966.000	96,37		96,37
	Chi hoạt động Đoàn TN	151.402.000		151.402.000	136.402.000		136.402.000	90,09		90,09
	Chi hoạt động Hội PN	131.327.000		131.327.000	127.327.000		127.327.000	96,95		96,95
	Chi hoạt động Hội CCB	120.582.000		120.582.000	76.352.000		76.352.000	63,32		63,32
	Chi hoạt động Hội ND	146.530.400		146.530.400	153.030.400		153.030.400	104,44		104,44
10	Chi khác	84.628.000		84.628.000	85.628.000		85.628.000	101,18		101,18
11	Dự phòng ngân sách xã	117.419.000		117.419.000	138.299.000		138.299.000	117,78		117,78



Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]



PHỤ LỤC 4

HỆ THỐNG MẪU BIỂU CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC Ở XÃ NGŨ HÙNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

PHẦN 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI		
1. Công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã		
Biểu số 103/CK TC-NSNN:		Cân đối ngân sách xã năm 2023
Biểu số 104/CK TC-NSNN:		Dự toán thu ngân sách xã năm 2023
Biểu số 105/CK TC-NSNN:		Dự toán chi ngân sách xã năm 2023
Biểu số 106/CK TC-NSNN:		Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2023